

Phụ lục 1

Báo cáo tiến độ thực hiện, giải ngân của từng dự án và đăng ký chỉ tiêu khối lượng hoàn thành giải ngân trong tháng 11 và tháng 12 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 723BC-UBND ngày 20/11/2026 của UBND xã Sơn Mai)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Số thực thu tiền đất của các xã do tỉnh giao đến 15/11/2026	Kế hoạch vốn đất không thu được	Lũy kế giải ngân đến ngày 15/11/2026				Khối lượng hoàn thành dự án đến ngày 15/11/2026 (%)	Đăng ký số vốn giải ngân tăng thêm từ 15/11 đến 30/11/2026	Đăng ký số vốn giải ngân tăng thêm từ 01/12 - 31/12/2026
		Tổng số	Trong đó							Giá trị	Trong đó		Tỷ lệ so với KH (%)			
			Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Vốn NSĐP bao gồm:						NSTW	NSĐP				
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDĐ	XSKT									
	TỔNG SỐ	**6.327,000**	**5.433,000**	**894,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**55**	**3.479,850**	**2.847,150**
A	**Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Sơn Mai**	**6.327,000**	**5.433,000**	**894,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**55**	**3.479,850**	**2.847,150**
I	**Chương trình MTQG về phát triển văn hóa**	**2.333,000**	**1.977,000**	**356,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**55**	**1.283,150**	**1.049,850**
1	Dự án: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa sân vận động xã Sơn Mai	1.625,000	1.377,000	248,000						-	-	-		55	893,750	731,250
2	Dự án: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa Sơn Mai	708,000	600,000	108,000						-	-	-		55	389,400	318,600
II	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG dân tộc thiểu số**	**3.994,000**	**3.456,000**	**538,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**55**	**2.196,700**	**1.797,300**
1	Dự án: Mở rộng Bãi chôn lấp rác thãi Sơn Mai	274,000	237,000	37,000										55	150,700	123,300
2	Dự án: Tường Hộ lan và đèn năng lượng Đường Bờ Tả sông Phước Giang (giai đoạn 2)	500,000	433,000	67,000										55	275,000	225,000
3	Dự án: Đường bê tông GTNT Làng Bò thôn Trung Thượng	331,000	286,000	45,000										55	182,050	148,950
4	Dự án: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng Cây Nêu	359,000	310,000	49,000										55	197,450	161,550
5	Dự án: Hệ thống thoát nước dọc đoạn đường nhà ông Lê Huấn.	90,000	78,000	12,000										55	49,500	40,500
6	Dự án: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cho công viên cầu Phước Giang (Khán đài, nhà vệ sinh, hệ thống chiếu sáng,…)	1.250,000	1.082,000	168,000										55	687,500	562,500
7	Dự án: Đường GTNT Biều Qua - Hóc Trính	470,000	407,000	63,000										55	258,500	211,500
8	Dự án: Bê tông xi măng đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Yên Ngựa	90,000	78,000	12,000										55	49,500	40,500
9	Dự án: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, làm tường rào cộng ngõ và nhà vệ sinh NVH Đồng Tròn	630,000	545,000	85,000										55	346,500	283,500

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Số thực thu tiền đất của các xã do tỉnh giao đến 15/11/2026	Kế hoạch vốn đất không thu được	Lũy kế giải ngân đến ngày 15/11/2026				Khối lượng hoàn thành dự án đến ngày 15/11/2026 (%)	Đăng ký số vốn giải ngân tăng thêm từ 15/11 đến 30/11/2026	Đăng ký số vốn giải ngân tăng thêm từ 01/12 - 31/12/2026
		Tổng số	Trong đó							Giá trị	Trong đó		Tỷ lệ so với KH (%)			
			Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Vốn NSĐP bao gồm:						NSTW	NSĐP				
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDĐ	XSKT									

Phụ lục 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
Chi tiết theo từng chương trình, từng chủ đầu tư

(Kèm theo Báo cáo số: 723 /BC-UBND ngày 20/11/2026 của UBND xã Sơn Mai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026									Giải ngân đến ngày 31/10/2026									Giải ngân đến ngày 30/11/2026									Giải ngân đến ngày 31/12/2026									Giải ngân đến ngày 31/01/2027								
		Tổng số	Trong đó		Trong đó						Tổng số	Trong đó		Trong đó						Tổng số	Trong đó		Trong đó						Tổng số	Trong đó		Trong đó						Tổng số	Trong đó		Trong đó					
					CTMQG văn hóa			CTMTQG xây dựng NTM. GNBV phát triển KTXH vùng ĐB DTTS						CTMQG văn hóa			CTMTQG xây dựng NTM. GNBV phát triển KTXH vùng ĐB DTTS						CTMQG văn hóa			CTMTQG xây dựng NTM. GNBV phát triển KTXH vùng ĐB DTTS						CTMQG văn hóa			CTMTQG xây dựng NTM. GNBV phát triển KTXH vùng ĐB DTTS						CTMQG văn hóa			CTMTQG xây dựng NTM. GNBV phát triển KTXH vùng ĐB DTTS		
			NSTW	NSĐP	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			NSTW	NSĐP	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			NSTW	NSĐP	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			NSTW	NSĐP	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			NSTW	NSĐP	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
						NSTW	NST		NSTW	NST					NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP					NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP					NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP					NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP
	TỔNG CỘNG	**6.327,00**	**5.432,00**	**895,00**	**2.333,00**	**1.977,00**	**356,00**	**3.994,00**	**3.455,00**	**539,00**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.988,15**	**2.988,15**	-	**1.283,15**	**1.087,35**	**195,80**	**2.196,70**	**1.900,80**	**295,90**	**6.327,00**	**5.432,00**	**895,00**	**2.333,00**	**1.977,00**	**356,00**	**3.994,00**	**3.455,00**	**539,00**	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	**KHỐI ĐỊA PHƯƠNG**	**6.327,00**	**5.432,00**	**895,00**	**2.333,00**	**1.977,00**	**356,00**	**3.994,00**	**3.455,00**	**539,00**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.988,15**	**2.988,15**	-	**1.283,15**	**1.087,35**	**195,80**	**2.196,70**	**1.900,80**	**295,90**	**6.327,00**	**5.432,00**	**895,00**	**2.333,00**	**1.977,00**	**356,00**	**3.994,00**	**3.455,00**	**539,00**	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	UBND xã Sơn Mai	6.327,00	5.432,00	895,00	2.333,00	1.977,00	356,00	3.994,00	3.455,00	539,00										2.988,15	2.988,15	-	1.283,15	1.087,35	195,80	2.196,70	1.900,80	295,90	6.327,00	5.432,00	895,00	2.333,00	1.977,00	356,00	3.994,00	3.455,00	539,00									